



TRƯỜNG ĐẠI HỌC DL VĂN LANG
KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Áp dụng Khóa 21)

NĂM 2015

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 249/2015/QĐ-VL-ĐT ngày 28 tháng 8 năm 2015
của Hiệu trưởng trường Đại học DL Văn Lang)

Tên chương trình: Quản trị kinh doanh (Business Administration)

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh

Mã số: 52340101

Loại hình đào tạo: Chính qui tập trung

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Mục tiêu chung: Cử nhân Quản trị Kinh doanh có phẩm chất chính trị đạo đức, nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, khoa học quản trị và những kỹ năng chuyên sâu về quản lý doanh nghiệp và các tổ chức kinh doanh; bảo đảm khi sinh viên ra trường có đủ năng lực đảm nhận công tác quản trị thuộc mọi lĩnh vực và cấp bậc tại các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế.

Chuẩn đầu ra:

Tốt nghiệp chương trình Đại học Quản trị Kinh doanh, sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau:

1.1 Về kiến thức:

- **Chính trị:** Hiểu biết cơ bản về đường lối, chính sách, pháp luật của nhà nước; chủ nghĩa Mac Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam.
- **Kinh tế:** Có kiến thức cơ bản về kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, tài chính – tiền tệ, thị trường chứng khoán, thuế vụ, quan hệ kinh tế quốc tế, marketing cơ bản, kinh tế môi trường...
- **Khoa học – toán ứng dụng:** Có kiến thức cơ bản về toán học ứng dụng trong kinh tế, kinh tế lượng, thống kê... bảo đảm khả năng tính toán, phân tích các hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp.

- **Khoa học quản trị:** Có kiến thức chuyên sâu về khoa học quản trị để ứng dụng trong công tác quản trị kinh doanh như: Quản trị sản xuất & dịch vụ, quản trị chất lượng sản phẩm, nghiên cứu và quản trị marketing, quản trị tài chính, quản trị dự án, quản trị nguồn nhân lực, tâm lý quản trị, quản trị rủi ro trong kinh doanh, quản trị hệ thống thông tin trong kinh doanh, quản trị kinh doanh quốc tế, quản trị hành chính văn phòng...

- **Pháp luật:** Có kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương, luật kinh tế, luật kinh doanh quốc tế.

- **Hoạch định:** Có kiến thức cơ bản về chiến lược & chính sách kinh doanh, chiến lược tài chính, chiến lược marketing... để có thể hoạch định và tham gia hoạch định về chiến lược và chính sách kinh doanh, xây dựng chương trình & kế hoạch kinh doanh tại các doanh nghiệp.

1.2 Về kỹ năng

Kỹ năng cứng:

Trên cơ sở kiến thức được trang bị nêu trên, sinh viên được rèn luyện thêm các kỹ năng chuyên môn để có khả năng đảm nhận các hoạt động sau đây tại các doanh nghiệp:

Chuyên ngành Quản trị kinh doanh

- Quản trị các hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Hoạch định các chiến lược, chính sách kinh doanh;
- Thiết kế, xây dựng các chương trình, kế hoạch hoạt động cho đơn vị;
- Xây dựng, tổ chức quản lý thực hiện các dự án đầu tư trong kinh doanh;
- Giám sát, kiểm tra các hoạt động kinh doanh;
- Nghiên cứu, tiếp cận, đề ra chiến lược phát triển & quản lý thị trường;
- Thương thảo, ký kết các hợp đồng kinh tế;
- Phân tích hoạt động, đánh giá hiệu quả các hoạt động kinh doanh;
- Xử lý các tình huống phát sinh, tổ chức phòng ngừa các rủi ro trong kinh doanh;
- Phát triển quan hệ quốc tế trong kinh doanh;
- Quản trị, phát triển nguồn nhân lực để phục vụ có hiệu quả hoạt động kinh doanh;
- Quản trị tài sản, tài chính doanh nghiệp.

Chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin

- Có năng lực quản trị công việc trên nền công nghệ thông tin;

- Có khả năng phân tích doanh nghiệp, xác định yêu cầu doanh nghiệp;
- Có khả năng lập kế hoạch quản lý quan hệ khách hàng, quản lý công nhân tri thức, nguồn nhân lực, quản lý tài chính trên nền công nghệ thông tin;
- Có khả năng quản lý công nghệ và các quy trình của doanh nghiệp;
- Có khả năng kết hợp các công cụ quản trị kinh doanh và ứng dụng của hệ thống thông tin để tối đa hóa hiệu năng của doanh nghiệp;
- Có khả năng tư duy logic, thiết kế hệ thống, xử lý tình huống, giải quyết vấn đề;

Kỹ năng mềm:

- Có khả năng thăm dò, tiếp xúc, thu hút, thương lượng với các đối tượng khách hàng;
- Có khả năng tổ chức làm việc theo nhóm (team-work) để đạt hiệu quả tốt trong công tác;
- Có khả năng trình bày, thuyết phục trước đám đông và theo từng đối tượng khách hàng về mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp; hợp tác triển khai thực hiện các dự án, kế hoạch kinh doanh;
- Có trình độ tiếng Anh căn bản khi tốt nghiệp tương đương với **450 điểm TOEIC** trở lên để có thể sử dụng và nâng cao trong quá trình làm việc;
- Có khả năng sử dụng thành thạo các công cụ tin học văn phòng và các phần mềm ứng dụng cần thiết trong hoạt động kinh doanh;
- Có khả năng xây dựng & phát triển môi trường văn hóa cho doanh nghiệp.

1.3 Về thái độ

- Có phẩm chất đạo đức kinh doanh, có tinh thần nghề nghiệp, không vì tư lợi mà lừa dối khách hàng;
- Có tinh thần trách nhiệm, tác phong đứng đắn trung thực, thái độ vui vẻ, lịch sự trong giao tiếp;
- Có tinh thần cầu tiến, cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ trong quá trình làm việc và quan hệ trong kinh doanh;
- Có ý thức tôn trọng, chấp hành luật pháp nhà nước, đóng góp vào sự nghiệp phát triển chung.

1.4 Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Chuyên ngành Quản trị kinh doanh

- Có khả năng đảm nhận các vị trí công tác tại các doanh nghiệp từ nhân viên chuyên môn, chuyên viên nghiên cứu, đến các chức vụ trưởng phó phòng, trợ lý, giám đốc, phó giám đốc, thành viên Hội đồng Quản trị...
- Có khả năng làm Trưởng, Phó, chuyên viên, nhân viên trong Ban Quản lý Dự án đầu tư, kinh doanh. - Có khả năng tham gia các đoàn công tác đối ngoại của các tổ chức kinh tế để thăm dò, thương thảo, tổ chức thực hiện các chương trình, dự án hợp tác.
- Có khả năng đảm nhận các công việc và vị trí được phân công tại các cơ quan quản lý Nhà nước.

Chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin

Sau khi tốt nghiệp chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin, ngoài các công việc như kinh doanh bán hàng, tiếp thị, quản lý nhân sự, dịch vụ ... sinh viên còn có năng lực tham gia vào các vị trí đang có nhu cầu rất cao trong doanh nghiệp theo trình độ và kinh nghiệm như sau:

* Trong thời gian đầu (ít hơn 3 năm), SV có thể làm việc ở các vị trí sau:

- Chuyên viên bán hàng, quản lý mối quan hệ khách hàng trong lĩnh vực CNTT.
- Chuyên viên tư vấn giải pháp HTTT cho doanh nghiệp.
- Chuyên viên quản lý cơ sở dữ liệu
- Chuyên viên phân tích doanh nghiệp
- Chuyên viên thiết kế HTTT.

* Từ 3-5 năm có khả năng đảm trách các vị trí :

- Chuyên viên tư vấn và kiểm định HTTT
- Trưởng nhóm, quản lý dự án HTTT
- Kiến trúc sư HTTT
- Quản lý công nghệ thông tin, HTTT trong doanh nghiệp.
- Quản lý an ninh, an toàn HTTT

* Về dài hạn (trên 5-10 năm) có thể phát triển nghề nghiệp ở những vị trí cấp cao :

- Giám đốc CNTT/HTTT của tổ chức (CIO, CTO, CSO)
- Giám đốc đào tạo và xây dựng chuẩn/ quy trình cho doanh nghiệp
- Giám đốc điều hành doanh nghiệp (CEO)

- Trình độ Ngoại ngữ: Có trình độ tương đương TOIEC 450 trở lên

- Trình độ Tin học (theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014)

1.5 Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường:

Tham dự các chương trình đào tạo chuyên sâu, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, cập nhật công nghệ...trong và ngoài nước.

Tham dự các chương trình đào tạo sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) trong lĩnh vực kinh tế, quản trị kinh doanh tại các trường đại học trong và ngoài nước.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 203 ĐVHT đối với chuyên ngành Quản trị kinh doanh và 197 ĐVHT đối với chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin, không kể học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: các đối tượng đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương đã trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh đại học hằng năm Khối A, A1, D, D1.

5. QUI TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:

Quy trình đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng gồm các học phần bắt buộc, sinh viên cần phải đạt được 203 ĐVHT đối với chuyên ngành Quản trị kinh doanh và 197 ĐVHT đối với chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin được phân bổ trong 8 học kỳ. Sau khi hoàn thành các môn học, sinh viên thi tốt nghiệp.

Điều kiện tốt nghiệp: theo quy chế đào tạo Đại học, Cao đẳng hiện hành.

6. THANG ĐIỂM: 10

**7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH (TÊN VÀ KHỐI LƯỢNG CÁC HỌC PHẦN):
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH: 204 ĐVHT**

TT	Mã HP	Môn học	ĐVHT
1		Kiến thức giáo dục đại cương	71
1.1		Lý luận chính trị	
1	TR105, TR106	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin	7,5
2	XH059	Tư tưởng HCM	3
3	TR107	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	4,5
1.2		Khoa học xã hội	
1	PL101	Pháp luật đại cương	3
1.3		Nhân văn – Nghệ thuật	
1	HN122	Đạo đức kinh doanh	2
2	MT105	Môi trường và con người	3
1.4		Ngoại ngữ	
1	TA119	Tiếng Anh	34
1.5		Toán - Tin học	
1	TN110, TN208	Toán cao cấp	6
2	TN204	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	4
3	TH109	Tin học đại cương	4
1.6	GT201, GT102	Giáo dục Thể chất	
1.7	QP101	Giáo dục Quốc phòng – an ninh	
2		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	136
2.1		Kiến thức cơ sở của ngành	35
1	KT102	Kinh tế vi mô	4
2	QT201	Nhập môn quản trị học	4
3	KT202	Kinh tế vĩ mô	4
4	HN324	Marketing căn bản	4
5	KT028	Nguyên lý kế toán	4
6	DL202	Địa lý kinh tế Việt Nam	3
7	QT021	Hệ thống thông tin	4
8	TH004	Tin học quản trị 1	4
9	KT21A	Kinh tế lượng	4
2.2		Kiến thức ngành	81
1	KT66A	Kế toán quản trị	4
2	KT032	Kế toán tài chính	3
3	KT32A	Kế toán chi phí	3
4	KT32B	Kế toán doanh nghiệp	3

5	QT011	Kiểm toán	3
6	QT018	Chiến lược tài chính trong kinh doanh	4
7	QTTC2	Quản trị tài chính	4
8	KT002	Lý thuyết tiền tệ ngân hàng	3
9	QT006	Thị trường chứng khoán	3
10	KT003	Quản trị tiếp thị	3
11	KT35A	Nghiên cứu marketing	3
12	KT29B	Quản trị nhân lực	4
13	KT67A	Chiến lược chính sách kinh doanh	4
14	KT12A	Quản trị hành chính văn phòng	2
15	KT065	Quản trị chất lượng	3
16	KT013	Quản trị sản xuất	3
17	QT007	Quản trị rủi ro và bảo hiểm kinh doanh	3
18	QT003	Quản trị dự án	3
19	QT009	Tâm lý quản trị	3
20	KT33B	Nghiệp vụ Vận tải Bảo hiểm ngoại thương	2
21	KT33A	Kỹ thuật ngoại thương và thanh toán quốc tế	3
22	KT015	Kinh doanh quốc tế	3
23	KT08A	Luật kinh tế	4
24	KT026	Thuế	3
25	DL025	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
26	KT033	Quan hệ kinh tế quốc tế	3
2.3		Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận (hoặc thi tốt nghiệp)	20
1	QT014	Thực tập	4
2	QT023	Khóa luận tốt nghiệp hoặc Thi tốt nghiệp	12
3	XH61A	Thi môn Lý luận chính trị- Tư tưởng HCM	0
		Tổng	203

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN: 197 ĐVHT

TT	Nội dung	ĐVHT
1.	Kiến thức giáo dục đại cương	66
1.1	Lý luận chính trị	
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin	8
2	Tư tưởng HCM	3
3	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	5
1.2	Khoa học xã hội	
1	Pháp luật đại cương	3
1.3	Nhân văn – Nghệ thuật – Kỹ năng	

1	Đạo đức kinh doanh	2
2	Kỹ năng học đại học	1
1.4	Ngoại ngữ	
1	Tiếng Anh	34
1.5	Toán – Tin học	
1	Toán cao cấp	6
2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	4
1.6	Giáo dục Thể chất	
1.7	Giáo dục Quốc phòng	
2	<i>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</i>	135
2.1	Kiến thức cơ sở của ngành	28
1	Kinh tế vi mô	4
2	Kinh tế vĩ mô	4
3	Marketing căn bản	4
4	Nguyên lý kế toán	4
5	Kinh tế lượng	4
6	Nhập môn Quản trị học	4
7	Tin học đại cương	4
2.2	Kiến thức ngành	88
1	Tài chính tiền tệ	3
2	Quản trị tài chính	3
3	Phân tích tài chính	2
4	Quản trị nhân lực	4
5	Động lực nhóm & Giao tiếp	3
6	Hành vi tổ chức	3
7	Hành vi khách hàng	3
8	Luật kinh tế	4
9	Nghiên cứu thị trường	2
10	Quản trị chuỗi cung ứng	2
11	Khởi nghiệp	2
12	Quản trị chiến lược	4
13	Quản trị khách hàng	3
14	Quản trị tiếp thị	3
15	Thuế	3
16	Introduction to ISM (Hệ thống thông tin)	4
17	Information system application – Database (Cơ sở dữ liệu)	4
18	IS theories and practice (Lý thuyết và thực hành hệ thống thông tin)	4
19	Process & quality management (Quản lý quy trình và chất lượng hệ thống thông tin)	4

20	Requirements Engineering (Kỹ nghệ yêu cầu)	4
21	Business Value (Giá trị doanh nghiệp)	4
22	ISM and practices (Quản lý dự án hệ thống thông tin)	4
23	Business Process Management (Quản lý quy trình doanh nghiệp)	4
24	Globalization and You (Xã hội toàn cầu hóa)	2
25	Business Data Analysis (Phân tích dữ liệu doanh nghiệp)	3
26	Fundamental of computing (Nền tảng lập trình)	2
27	Introduction to network and security (Nhập môn mạng và bảo mật mạng)	2
28	Đồ án hệ (Đồ án ERP)	3
2.3	Thực tập tốt nghiệp và Thi tốt nghiệp	19
1	Thực tập	3
2	Thi tốt nghiệp	12
3	Thi môn chính trị	
	Tổng	197

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (DỰ KIẾN)

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

Học kỳ I

STT	TÊN MÔN HỌC	ĐVHT	Số tiết
1	Những NLCB CN Mác Lênin	3	45
2	Anh văn 1	5	75
3	Pháp luật đại cương	3	45
5	Nhập môn quản trị học	4	60
6	Kinh tế vi mô	4	60
7	Toán cao cấp 1	4	60
	Tổng	25	

Học kỳ II

STT	TÊN MÔN HỌC	ĐVHT	Số tiết
1	Những NLCB CN Mác Lênin	5	75
2	Anh văn 2	5	75

3	Toán cao cấp 2	2	30
4	Kinh tế vĩ mô	4	45
5	Giáo dục quốc phòng	0	
6	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30
7	Địa lý kinh tế Việt Nam	3	45
8	Quản trị hành chính văn phòng	2	30
9	Tin học đại cương	4	45
	Tổng	27	

Học kỳ III

STT	TÊN MÔN HỌC	ĐVHT	Số tiết
1	Anh văn 3	5	75
2	Lý thuyết xác suất thống kê toán	4	60
3	Marketing căn bản	4	60
4	Nguyên lý kế toán	4	60
5	Môi trường và con người	3	45
6	Hệ thống thông tin	4	60
7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	45
	Tổng	27	

Học kỳ IV

STT	TÊN MÔN HỌC	ĐVHT	Số tiết
1	Quản trị sản xuất	3	45
2	Anh văn 4	5	75
3	Kinh tế lượng	4	60
4	Luật kinh tế	4	60
5	Kế toán tài chính	3	45
6	Nghiên cứu marketing	3	45
7	Tin học quản trị 1	4	60
	Tổng	26	

Học kỳ V

STT	TÊN MÔN HỌC	ĐVHT	Số tiết
1	Kinh doanh quốc tế	3	45
2	Anh văn 5	5	75
3	Lý thuyết tiền tệ ngân hàng	3	45

4	Quản trị tiếp thị	3	45
5	Quan hệ kinh tế quốc tế	3	45
6	Kế toán chi phí giá thành	3	45
7	Quản trị rủi ro và bảo hiểm kinh doanh	3	45
8	Quản trị tài chính	4	60
	Tổng	27	

Học kỳ VI

STT	TÊN MÔN HỌC	ĐVHT	LT
1	Đường lối CM Đảng CSVN	5	75
2	Anh văn 6	4	60
3	Kế toán công ty	3	45
4	Kỹ thuật ngoại thương và thanh toán quốc tế	3	45
5	Kế toán quản trị	4	60
6	Chiến lược chính sách kinh doanh	4	60
7	Thị trường chứng khoán	3	45
8	Kiểm toán	3	45
	Tổng	29	

Học kỳ VII

STT	TÊN MÔN HỌC	ĐVHT	Số tiết
1	Anh văn 7	5	75
2	Quản trị dự án	3	45
3	Chiến lược tài chính trong kinh doanh	4	60
4	Thuế	3	45
5	Quản trị chất lượng	3	45
6	Quản trị nhân lực	4	60
7	Nghiệp vụ vận tải bảo hiểm ngoại thương	2	30
8	Tâm lý quản trị	3	45
	Tổng	27	

Học kỳ VIII

STT	TÊN MÔN HỌC	ĐVHT
1	Thực tập tốt nghiệp	4
2	Khóa luận tốt nghiệp Hoặc thi tốt nghiệp	12
3	Lý Luận chính trị	0
	Tổng	16

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN

Học kỳ I

STT	TÊN MÔN HỌC	ĐVHT	Số tiết
1	Những NLCB CN Mác Lênin	3	45
2	Anh văn 1	5	75
4	Pháp luật đại cương	3	45
5	Kỹ năng học đại học	1	15
6	Nhập môn Quản trị học	4	60
7	Kinh tế vi mô	4	60
8	Toán cao cấp 1	4	60
9	Tin học đại cương	4	60
	Tổng	28	

Học kỳ II

STT	TÊN MÔN HỌC	ĐVHT	LT
1	Những NLCB CN Mác Lênin	5	75
2	Anh văn 2	5	75
4	Nguyên lý kế toán	4	60
5	Toán cao cấp 2	2	30
6	Marketing căn bản	4	60
7	Kinh tế vĩ mô	4	60
8	Giáo dục quốc phòng	0	
	Tổng	24	

Học kỳ III

STT	TÊN MÔN HỌC	ĐVHT	Số tiết
1	Business value (Giá trị doanh nghiệp)	4	90
2	Introduction to ISM (Hệ thống thông tin)	4	90
3	Anh văn 3	5	75
4	Lý thuyết xác suất thống kê toán	4	60
5	Giáo dục thể chất	0	
6	Luật kinh tế	4	60
7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	45
	Tổng	23	

Học kỳ IV

STT	TÊN MÔN HỌC	ĐVHT	Số tiết
1	Introduction to network and security (Tổng quan mạng và an ninh mạng)	2	45
2	Anh văn 4	5	75
3	Kinh tế lượng	4	60
4	Quản lý quy trình doanh nghiệp (Business Process Management)	4	90
5	Phân tích tài chính	2	30
6	Nền tảng máy tính (Fundamental of computing)	2	45
7	Hành vi khách hàng	3	45
8	Tài chính tiền tệ	3	45
	Tổng	25	

Học kỳ V

STT	TÊN MÔN HỌC	ĐVHT	Số tiết
1	Động lực nhóm & giao tiếp	3	45
2	Quản trị nhân lực	3	45
3	Information systems Application - Databases (Cơ sở dữ liệu)	4	90
4	Requirement engineering (Kỹ thuật yêu cầu)	4	90
5	Quản trị tài chính	3	45
6	Nghiên cứu thị trường	2	30
7	Anh văn 5	5	75
	Tổng	25	

Học kỳ VI

STT	TÊN MÔN HỌC	ĐVHT	Số tiết
1	Hành vi tổ chức	3	45
2	Đường lối CM Đảng CSVN	5	75
3	Business Data Analysis (Phân tích dữ liệu doanh nghiệp)	3	60
4	Quản trị chuỗi cung ứng	2	30
5	Khởi nghiệp	2	30
6	IS theory and practices (Lý thuyết và thực hành hệ thông tin)	4	90

7	Anh văn 6	4	60
8	Quản trị tiếp thị	3	45
	Tổng	26	

Học kỳ Hè

STT	TÊN MÔN HỌC	ĐVHT
1	Đồ án ERP	3
	Tổng	3

Học kỳ VII

STT	TÊN MÔN HỌC	ĐVHT	Số tiết
1	Đạo đức kinh doanh	2	30
2	Process & quality management (Quản lý quy trình và chất lượng hệ thống thông tin)	4	90
3	Quản trị chiến lược	4	60
4	Thuế	3	45
5	Quản trị khách hàng	3	45
6	Xã hội toàn cầu hóa	2	30
7	Quản lý dự án hệ thống thông tin	4	90
8	Anh văn 7	5	75
	Tổng	27	

Học kỳ VIII

STT	TÊN MÔN HỌC	ĐVHT
1	Thực tập tốt nghiệp	3
2	Thi tốt nghiệp	12
3	Thi chính trị	0
	Tổng	15

9. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG HỌC PHẦN:

TT	MÔN HỌC	SỐ ĐVHT
1.	<p>Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin</p> <p>Nội dung ban hành tại Quyết định số 45/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 29/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p>	8
2.	<p>Tư tưởng HCM</p> <p>Nội dung ban hành tại Quyết định số 35/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 31/7/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p>	3
3.	<p>Đường lối cách mạng của Đảng CSVN</p> <p>Nội dung ban hành tại Quyết định số 41/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 27/8/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p>	5
4.	<p>Pháp luật đại cương</p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần giới thiệu các khái niệm, các phạm trù chung cơ bản nhất về Nhà nước và Pháp luật dưới góc độ của khoa học quản lý. Trên cơ sở đó, đi vào phân tích: Cấu trúc của bộ máy Nhà nước cũng như chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật; Một số nội dung cơ bản của Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Hình sự</p>	3
5.	<p>Tiếng Anh</p> <p>Đây là nội dung tiếng Anh giao tiếp nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ vựng cần thiết cho giao tiếp và kinh doanh.</p> <p>Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình ngoại ngữ 7 năm ở bậc trung học.</p> <p>Sau 35 ĐVHT sinh viên có trình độ tương đương TOIEC 450</p>	34
6.	<p>Toán cao cấp</p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần cung cấp kiến thức đại cương về tập hợp, quan hệ và logic suy luận cũng như các kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích toán học thực sự cần thiết cho việc tiếp cận với các mô hình phân</p>	6

	tích quá trình ra quyết định trong kinh tế và quản lý: Không gian vector số học n chiều; Ma trận và định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Dạng toàn phương; Hàm số và giới hạn; Phép toán vi phân đối với hàm số một biến số; Hàm nhiều biến và hàm ẩn; Các bài toán cực trị; Phép tính tích phân; Phương trình vi phân; Phương trình sai phân.	
7.	<p>Lý thuyết xác suất và thống kê toán</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp.</p> <p>Học phần được kết cấu thành hai phần tương đối độc lập về cấu trúc nhưng có liên quan chặt chẽ về nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần lý thuyết xác suất giới thiệu tính quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên. - Phần thống kê toán bao gồm các nội dung: Cơ sở lý thuyết về điều tra chọn mẫu, một phương pháp được dùng khá phổ biến trong điều tra, khảo sát các dữ liệu kinh tế và điều tra xã hội học; Các phương pháp ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng. 	4
8.	<p>Kinh tế vi mô (Micro economics)</p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Giới thiệu các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh. Học phần còn đề cập đến hành vi của các thành viên trong một nền kinh tế: người tiêu dùng, doanh nghiệp và Chính phủ. Qua đó sinh viên sẽ được trang bị công cụ phân tích để hiểu và có thể áp dụng khi học các học phần tiếp theo.</p>	4
9.	<p>Kinh tế vĩ mô (Macro economics)</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô.</p> <p>Giới thiệu một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm: Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế. Mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: Các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; Giới thiệu những tư tưởng chính về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; Lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; Giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.</p>	4
10.	Marketing căn bản (Principle of Marketing)	4

	<p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản về những nguyên lý Marketing và sự vận dụng chúng vào thực tiễn doanh nghiệp như: hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing; Môi trường Marketing và thị trường các doanh nghiệp; Nhận dạng nhu cầu và hành vi khách hàng; phương pháp luận nghiên cứu Marketing và nguyên lý ứng xử của doanh nghiệp với thị trường, gồm các chiến lược thị trường, các chính sách Marketing căn bản và tổ chức quản lý Marketing của doanh nghiệp.</p>	
11.	<p>Nguyên lý kế toán (Principle of Accounting)</p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết kế toán: Các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; Các phương pháp kế toán; Quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán, trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; Các hình thức kế toán; Nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.</p>	4
12.	<p>Kinh tế lượng (Econometrics)</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết xác suất và thống kê toán, Toán cao cấp, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô.</p> <p>Học phần cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy một phương trình, cách phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như về kinh tế của mô hình. Học phần còn trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng và cơ sở dữ liệu của Việt Nam.</p>	4
13.	<p>Nhập môn quản trị học</p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: Khái niệm và bản chất của quản trị; Nhà quản trị; Môi trường quản trị; Các lý thuyết quản trị (cổ điển và hiện đại); Các chức năng của quản trị: hoạch định, tổ chức, giám đốc điều hành và kiểm tra/kiểm soát. Học phần còn cập nhật một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sự đổi mới thay đổi, quản trị xung đột, quản trị</p>	4

	rủi ro và cơ hội của một doanh nghiệp.	
14.	<p>Đạo đức kinh doanh:</p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Môn học này thảo luận và đánh giá trách nhiệm đạo đức của các nhà quản lý và các cơ quan công quyền, doanh nghiệp (DN)... Môn học sẽ giúp sinh viên (SV) khám phá những vấn đề thực tiễn trong quan điểm quản trị cũng như quan điểm đa dạng khác, và phân tích những xung đột phức tạp và vấn đề khó xử, thông qua các nghiên cứu tình huống. SV tiếp cận được các phạm trù đạo đức trong môi trường cạnh tranh của thời hội nhập. Môn học này cần trang bị cho SV tất cả các ngành và các hệ. SV vừa học lý thuyết trên lớp, vừa đi thực tế tại các cơ quan công quyền, DN,... để viết báo cáo môn học (BCMh) theo nhóm.</p>	2
15.	<p>Môi trường và con người</p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Môn học trình bày các kiến thức nhập môn khoa học môi trường; các nguyên lý về sinh thái học vận dụng trong khoa học môi trường; dân số và tài nguyên, môi trường; tài nguyên thiên nhiên; ô nhiễm môi trường; hoạt động sống của con người và các vấn đề nảy sinh; các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam.</p>	3
16.	<p>Tin học đại cương</p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần trang bị cho sinh viên khối ngành kinh tế cách sử dụng các phần mềm Microsoft: cách soạn thảo văn bản word, các hàm excel tài chính và thuyết trình powerpoint.</p>	4
17.	<p>Địa lý kinh tế Việt Nam</p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản của lý luận về tổ chức lãnh thổ kinh tế - xã hội nói chung, tổ chức lãnh thổ kinh tế - xã hội của nước Việt Nam nói riêng. Trình bày những khái niệm vùng kinh tế, phân vùng kinh tế dựa theo chuyên môn hóa kinh tế. Giới thiệu vai trò, vị trí của từng ngành kinh tế trong tổng thể nền kinh tế, giới thiệu sự phân bố cụ thể của các ngành nông – lâm – ngư nghiệp, công nghiệp, thương mại dịch vụ của Việt Nam...</p>	3

18.	<p>Kế toán quản trị</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán</p> <p>Môn học bồi dưỡng kiến thức về các kỹ năng kế toán quản trị nhằm cung cấp thông tin tài chính và các thông tin liên quan phục vụ công tác quản trị trong lập kế hoạch, kiểm soát, giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh.</p> <p>Môn học này cũng giới thiệu cho sinh viên các yếu tố của kế toán quản trị được sử dụng hỗ trợ cho các quyết định quản trị.</p> <p>Bên cạnh đó, môn học tập trung nghiên cứu thiết kế kỹ thuật và sự vận hành của hệ thống kế toán chi phí, thiết kế và hoạt động của hệ thống kế toán kiểm soát và hệ thống quản trị chi phí chiến lược nhằm đạt được lợi thế cạnh tranh.</p>	4
19.	<p>Kế toán tài chính</p> <p>Cung cấp kiến thức cơ bản về kế toán về cách thức ghi nhận, đánh giá, trình bày và công bố những yếu tố cơ bản trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp;</p>	3
20.	<p>Kế toán chi phí</p> <p>Môn học cung cấp kiến thức giúp sinh viên xác định chi phí sản phẩm như chi phí tiếp liệu, chi phí sản xuất nhằm đưa ra các quyết định phù hợp, xác định hàng tồn kho và kết quả kinh doanh theo từng giai đoạn,...</p>	3
21.	<p>Kế toán doanh nghiệp</p> <p>Môn học giúp người học vận dụng được hệ thống tài khoản kế toán, bước đầu phải giải thích được bản chất kinh tế của giao dịch, cách xử lý của chuẩn mực kế toán trong mối quan hệ với các quy định pháp lý khác.</p>	3
22.	<p>Kiểm toán</p> <p>Môn học giới thiệu các kiến thức cơ bản về kiểm toán và hoạt động kiểm toán: bản chất, vai trò của kiểm toán; các loại kiểm toán và môi trường hoạt động của kiểm toán; một số khái niệm, phương pháp quy trình cơ bản trong kiểm toán báo cáo tài chính.</p>	3
23.	<p>Chiến lược tài chính trong kinh doanh</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Tài chính - Tiền tệ, Lý thuyết xác suất thống kê toán, Nguyên lý kế toán</p> <p>Môn học giúp người học vận dụng các kiến thức về kế toán và tài chính để đưa ra các chiến lược tài chính.</p>	4

24.	<p>Quản trị tài chính</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, nguyên lý kế toán</p> <p>Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản, các kỹ năng phân tích trong quá trình ra quyết định về tài chính. Các chủ đề bao gồm phân tích rủi ro, lập kế hoạch tài chính, cơ cấu vốn, lượng giá và chi phí vốn.</p>	4
25.	<p>Lý thuyết tiền tệ ngân hàng</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vĩ mô, Kinh tế vi mô</p> <p>Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản như: Chức năng tài chính tiền tệ và cấu trúc hệ thống tài chính trong nền kinh tế; Hoạt động của thị trường tài chính, các tổ chức tài chính trung gian, hoạt động khu vực tài chính nhà nước; Ngân sách và chính sách tài khóa, hoạt động khu vực tài chính doanh nghiệp: vốn, nguồn vốn, quản lý vốn; Hoạt động của hệ thống ngân hàng (Ngân hàng thương mại, ngân hàng Trung ương) nhằm ổn định tiền tệ, cung ứng vốn, dịch vụ thanh toán cho nền kinh tế.</p>	3
26.	<p>Thị trường chứng khoán</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Tài chính - Tiền tệ, Lý thuyết xác suất thống kê toán.</p> <p>Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản các công cụ giao dịch, các kỹ thuật giao dịch và phương pháp giao dịch trên thị trường chứng khoán</p>	3
27.	<p>Quản trị tiếp thị</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Marketing căn bản</p> <p>Môn học giúp các sinh viên có khả năng phân tích các cơ hội thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu cũng như dự báo nhu cầu thị trường phù hợp với khả năng và mục tiêu của doanh nghiệp, biết cách xây dựng chiến lược marketing cũng như xây dựng các chương trình marketing, tổ chức thực hiện và kiểm tra các hoạt động marketing. Ngoài ra, môn học này cũng giúp các sinh viên hiểu rõ công tác quản trị marketing trong doanh nghiệp, quá trình quản trị marketing và mối quan hệ cũng như tầm quan trọng của marketing với các lĩnh vực khác để từ đó có thể ra được những quyết định phù hợp, hiệu quả.</p> <p>Môn học nghiên cứu cụ thể từng vấn đề như việc chuẩn bị, xây dựng, tổ chức, thực hiện chương trình marketing trong công tác quản trị marketing và quá trình quản trị marketing của doanh nghiệp phù hợp</p>	3

	với mục tiêu, khả năng của doanh nghiệp và xu thế thời đại.	
28.	<p>Nghiên cứu marketing</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Marketing căn bản</p> <p>Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiên cứu marketing trong tổ chức như: Xác định có cần thiết nghiên cứu marketing hay không, Xác định vấn đề marketing, Xác định vấn đề nghiên cứu marketing, Xác định danh mục dữ liệu cần thu thập, Nhận diện nguồn gốc dữ liệu, Xác định kỹ thuật thu thập dữ liệu, Thu thập dữ liệu, Phân tích và Diễn dịch dữ liệu, Viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu.</p>	3
29.	<p>Quản trị nhân lực</p> <p>Điều kiện tiên quyết: kinh tế vi mô , Kinh tế vĩ mô</p> <p>Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về vai trò của quản trị nhân lực trong tổ chức, chiến lược của tổ chức và quản lý nhân sự, cơ sở luật pháp về nhân sự, tuyển chọn và bố trí lao động, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nhân lực, thù lao và các phúc lợi dịch vụ cho người lao động, các quan hệ lao động và những vấn đề có liên quan.</p>	4
30.	<p>Chiến lược chính sách kinh doanh</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, các học phần kiến thức cơ sở ngành</p> <p>Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược; Các giai đoạn phát triển của quản trị chiến lược; Mô hình nguyên lý quản trị chiến lược của doanh nghiệp có mục tiêu dài hạn, bao gồm: hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh, thay đổi chiến lược của doanh nghiệp dưới những điều kiện môi trường, thị trường và nguồn nhân lực xác định của doanh nghiệp</p>	4
31.	<p>Quản trị hành chính văn phòng</p> <p>Hầu hết mọi người đi làm đều phải làm trong một văn phòng cụ thể, một số công việc có thể sẽ có thời gian ra ngoài nhiều hơn. Nên việc nắm bắt các hoạt động và sử dụng các công cụ là cần thiết. Môn học cung cấp cho người học: Thành thạo trong việc sử dụng các công cụ</p>	2

	<p>hoạt động (điện thoại, email,...) một cách chuyên nghiệp; Sử dụng các phương pháp quản lý văn phòng (quản lý hồ sơ quản lý hội họp, quản lý thông tin,...); Vai trò người quản lý văn phòng, người nhân viên văn phòng.</p>	
32.	<p>Quản trị chất lượng</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Nhập môn quản trị học</p> <p>Hiểu được đánh giá chất lượng một cách toàn diện. Nắm bắt được việc kiểm soát chất lượng qua nắm bắt 7 công cụ thống kê, Ý nghĩa của sử dụng ISO 9001.</p>	3
33.	<p>Quản trị sản xuất</p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Trang bị kiến thức về quản trị các yếu tố đầu vào, tổ chức, phối hợp các yếu tố đó nhằm chuyển hóa kết quả đầu ra là sản phẩm vật chất hay dịch vụ với hiệu quả cao nhất.</p>	3
34.	<p>Quản trị rủi ro và bảo hiểm kinh doanh</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Nhập môn quản trị học, Nguyên lý kế toán, Kinh doanh quốc tế</p> <p>Nhận diện, đo lường, kiểm soát, xử lý được các rủi ro có khả năng xảy ra và có khả năng sử dụng các công cụ để quản lý rủi ro trong tổ chức, doanh nghiệp.</p>	3
35.	<p>Quản trị dự án</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Quản trị tài chính</p> <p>Quản trị một dự án nhỏ và vừa từ khâu lập kế hoạch, xây dựng tiến độ, quản lý tổ chức thực hiện, kiểm soát và quản trị rủi ro.</p>	3
36.	<p>Tâm lý quản trị</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phân cung cấp kiến thức về những hiện tượng tâm lý diễn ra trong hoạt động quản lý và lãnh đạo, vai trò và sự ảnh hưởng của chúng đối với hoạt động quản lý và lãnh đạo. Trên cơ sở đó, hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá các hiện tượng tâm lý nảy sinh trong hoạt động của người quản lý và lãnh đạo; làm tiền đề cho việc vận dụng những kiến thức, kỹ năng này vào giải quyết những tình huống đó</p>	3
37.	<p>Kỹ thuật ngoại thương và thanh toán quốc tế</p>	3

	<p>Điều kiện tiên quyết: kinh tế vi mô, tài chính tiền tệ, kinh doanh quốc tế</p> <p>Môn học nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức liên quan đến các điều kiện thương mại quốc tế; Các kiến thức về phương thức giao dịch quốc tế; Thanh toán quốc tế, đọc hiểu và soạn thảo thư tín thương mại và hợp đồng ngoại thương; Quy trình tổ chức thực hiện hợp đồng xuất nhập khẩu.</p>	
38.	<p>Kinh doanh quốc tế</p> <p>Hiểu biết rộng về môi trường kinh doanh quốc tế là điều cần thiết cho việc ra quyết định kinh doanh. Môn học này giới thiệu cho sinh viên về bản chất đa diện của kinh doanh quốc tế và xây dựng nền tảng cho các nghiên cứu chuyên sâu hơn bằng cách cung cấp một bài kiểm tra đa ngành về các vấn đề mà các công ty phải đối mặt trên thị trường quốc tế. Sinh viên có cơ hội tìm hiểu về môi trường kinh doanh quốc tế bao gồm thương mại và đầu tư toàn cầu, môi trường pháp lý, cơ cấu tổ chức, thực tiễn quản lý và chiến lược của công ty. Sinh viên hợp tác làm việc với nhau để phân tích và nghiên cứu các tình huống kinh doanh quốc tế và những thách thức của toàn cầu hóa trong các bối cảnh được lựa chọn.</p>	3
39.	<p>Luật kinh tế</p> <p>Điều kiện tiên quyết: kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô.</p> <p>Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về pháp luật và điều chỉnh lĩnh vực kinh doanh, làm cơ sở cho việc nghiên cứu các luật chuyên ngành tài chính, ngân hàng, luật thương mại cũng như các chế độ pháp lý điều chỉnh cơ cấu tổ chức hoạt động và quản lý các loại hình doanh nghiệp.</p> <p>Nội dung bao gồm: Địa vị pháp lý của các doanh nghiệp; Những nghĩa vụ kinh doanh; Quan hệ lao động trong doanh nghiệp; Chế độ hợp đồng kinh tế, cách thức giao dịch, ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế, Pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh tế và phá sản doanh nghiệp.</p>	4
40.	<p>Thuế</p> <p>Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số sắc thuế chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh như thuế môn bài, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân...</p>	3

41.	<p>Phương pháp nghiên cứu khoa học</p> <p>Giới thiệu về một nghiên cứu trong quản trị kinh doanh và cách xác định câu hỏi/ vấn đề nghiên cứu; Cách viết một đề cương nghiên cứu (Research Proposal); Xây dựng cơ sở lý thuyết cho nghiên cứu và Lựa chọn thiết kế nghiên cứu phù hợp; Giới thiệu về phương pháp nghiên cứu định tính và Phương pháp nghiên cứu định lượng; Các vấn đề về đạo đức trong nghiên cứu và Viết và trình bày một báo cáo nghiên cứu</p>	2
42.	<p>Quan hệ kinh tế quốc tế</p> <p>Môn học giới thiệu các hoạt động giao dịch, kinh doanh được thực hiện giữa các quốc gia nhằm thỏa mãn các mục tiêu kinh doanh của các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế. Môn học sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về kinh doanh, luật quốc tế, chính sách kinh tế đối ngoại và môi trường kinh doanh quốc tế,...</p>	3
43.	<p>Tài chính tiền tệ</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vĩ mô, Kinh tế vi mô</p> <p>Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản như: Chức năng tài chính tiền tệ và cấu trúc hệ thống tài chính trong nền kinh tế; Hoạt động của thị trường tài chính, các tổ chức tài chính trung gian, hoạt động khu vực tài chính nhà nước; Ngân sách và chính sách tài khóa, hoạt động khu vực tài chính doanh nghiệp: vốn, nguồn vốn, quản lý vốn; Hoạt động của hệ thống ngân hàng (Ngân hàng thương mại, ngân hàng Trung ương) nhằm ổn định tiền tệ, cung ứng vốn, dịch vụ thanh toán cho nền kinh tế.</p>	3
44.	<p>Quản trị khách hàng</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Marketing căn bản, Quản trị học, Hành vi khách hàng</p> <p>Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về Quản trị khách hàng. Môn học sẽ đề cập từ những khái niệm về quan hệ khách hàng, các kiến thức cần thiết của người quản trị khách hàng, các chiến lược và công cụ quản trị khách hàng hiệu quả.</p> <p>Sinh viên vừa học lý thuyết vừa thực hành thông qua thảo luận, giải quyết vấn đề theo tình huống; tham quan thực tế và thu thập thông tin để viết báo cáo chuyên đề.</p>	3
45.	<p>Nghiên cứu thị trường</p>	2

	<p>Điều kiện tiên quyết : Marketing căn bản, IS application – database</p> <p>Chuyên đề này cung cấp cho người học những phương pháp và các công cụ (data mining, online analysis processing..) phục vụ cho việc thu thập xử lý và phân tích các nguồn thông tin làm cơ sở để xây dựng và đề xuất các hoạt động hoặc chiến lược Marketing.</p>	
46.	<p>Phân tích tài chính</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Tài chính - Tiền tệ, Lý thuyết xác suất thống kê toán, Nguyên lý kế toán</p> <p>Học phần cung cấp những kiến thức và các công cụ về phân tích tài chính của doanh nghiệp: phân tích các tỷ số tài chính, so sánh các chỉ tiêu tài chính, phân tích cơ cấu và phân tích Dupont thông qua các báo cáo tài chính.</p>	2
47.	<p>Hành vi tổ chức</p> <p>Môn học nghiên cứu về những hành vi cá nhân trong tổ chức, tìm hiểu những thay đổi, xung đột về hành vi cá nhân, nhóm trong tổ chức nhằm mục đích thiết kế và thay đổi hành vi tổ chức để đạt hiệu quả cao hơn.</p> <p>Môn học sẽ giúp sinh viên (SV) hiểu được những kiến thức về hành vi tổ chức, chuẩn bị cho mình những kỹ năng, kinh nghiệm cũng như có thái độ tự tin và phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp trong và ngoài nước để tự tin bước vào môi trường làm việc cũng phát triển bản thân trong bất kỳ tổ chức nào.</p> <p>Thông qua lý thuyết kết hợp với thảo luận các tình huống, và làm các báo cáo thuyết trình nhóm, SV làm quen với Hành vi tổ chức tại các DN/tổ chức. Môn học tập trung nhiều vào phân tích và xử lý tình huống.</p>	3
48.	<p>Động lực nhóm và giao tiếp</p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Đây là nội dung hướng dẫn những kiến thức, kỹ năng giao tiếp ở môi trường làm việc trong thời đại toàn cầu hóa hiện nay.</p>	3
49.	<p>Quản trị chuỗi cung ứng</p> <p>Môn học nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về quản trị chuỗi cung ứng, bao gồm các khái niệm, định nghĩa, giá trị, mục đích, phương pháp, và các kỹ thuật, xây dựng hệ thống chuỗi cung ứng</p>	2

50.	<p>Introduction to ISM (Hệ thống thông tin)</p> <p>Môn nhập môn quản lí hệ thống tin cho cái nhìn tổng quan về chuyên ngành học Quản lí hệ thống tin. Xuất phát từ yêu cầu phát triển của các doanh nghiệp hiện đại, môn học nêu rõ việc gia tăng sử dụng công nghệ thông tin trong doanh nghiệp đã tiến từ mức CNTT giữ chức năng hỗ trợ chuyên sang giữ chức năng chiến lược và tạo năng lực mới cho doanh nghiệp. Từ đó sinh viên được tiếp cận với các loại hình hệ thống tin bên trong và bên ngoài doanh nghiệp cũng như tổng quan về cách thức phát triển hệ thống tin trong doanh nghiệp.</p>	4
51.	<p>Information system application – Database (Cơ sở dữ liệu)</p> <p>Môn cơ sở dữ liệu cung cấp cho sinh viên biết cách tổ chức dữ liệu trong doanh nghiệp. Dữ liệu phát sinh trong quá trình doanh nghiệp hoạt động nay được hệ thống tin ghi lại trong cơ sở dữ liệu của doanh nghiệp, làm nền tảng để cung cấp thông tin cho mọi cấp quản lí và vận hành trong doanh nghiệp. Môn học giúp sinh viên hình dung được cách tổ chức dữ liệu từ các tài liệu vận hành thành các dạng lưu trữ trong máy tính có thể truy lục ra được.</p>	4
52.	<p>IS theories and practice (Lý thuyết và thực hành hệ thống tin)</p> <p>Môn Lý thuyết và thực hành hệ thống tin cung cấp cái nhìn về chức trách quyền hạn của giám đốc thông tin CIO trong doanh nghiệp và đồng thời giới thiệu cả các chức trách quyền hạn của quản lí cấp trung trong doanh nghiệp nghiêng về phía cung cấp dịch vụ. Sinh viên được làm quen với các vị trí quản lí khác nhau trong doanh nghiệp để có thể nhanh chóng tham gia vào các hoạt động kinh doanh sản xuất.</p>	4
53.	<p>Process & quality management (Quản lý quy trình và chất lượng)</p> <p>Môn Quản lí quy trình và chất lượng cung cấp cho sinh viên cách hiểu về các khuôn khổ qui trình chuẩn trong doanh nghiệp và cách thúc đẩy tăng trưởng năng lực doanh nghiệp khi áp dụng CNTT. Sinh viên được làm quen với các mô hình đảm bảo chất lượng và đảm bảo qui trình toàn tổ chức.</p>	4
54.	<p>Requirements Engineering (Kỹ nghệ yêu cầu)</p> <p>Môn Kỹ nghệ yêu cầu cung cấp cho sinh viên các kĩ năng để làm việc với khách hàng và phân tích hoạt động doanh nghiệp. Môn học này cho sinh viên làm quen với các kĩ thuật lấy yêu cầu cũng như các kĩ thuật viết và thể hiện yêu cầu đó trong các bản đặc tả mà cả khách</p>	4

	hàng và tổ thực hiện yêu cầu đều có thể hiểu được. Qua môn học này sinh viên cũng được học về cách tạo lập mối quan hệ tốt với khách hàng và đồng thời làm cho tổ dự án hiểu được chính xác cần làm gì tương ứng với yêu cầu của khách hàng.	
55.	Business Value (Giá trị doanh nghiệp) Môn Giá trị doanh nghiệp cho một nhập môn về cách hoạt động của doanh nghiệp, được đo và nhìn theo nhiều góc độ khác nhau, đặc biệt là các giá trị được gia tăng bởi công nghệ thông tin khi tham gia vào các hoạt động quản lí và sản xuất của doanh nghiệp.	4
56.	ISM and practices (Quản lý dự án hệ thống thông tin) Môn học này tập trung vào việc giới thiệu cách quản lí một dự án công nghệ nói riêng (hệ thống tin). Nó cho biết cách triển khai dự án hệ thống tin trong tổ chức, cách phối hợp các nguồn lực tri thức để hoàn thành dự án. Nó cung cấp cho sinh viên các cách hiểu hiện đại về quản lí dự án trong một khuôn khổ chung của một chương trình (nhiều dự án) tham gia vào chiến lược phát triển.	4
57.	Business Process Management (Quản lý quy trình doanh nghiệp) Môn Quản lí qui trình doanh nghiệp giới thiệu cho sinh viên những qui trình chuẩn căn bản có trong tổ chức. Qua phân tích sự thực hiện thủ công của những qui trình xuyên suốt của toàn doanh nghiệp, môn học này chỉ ra những nhược điểm của cách quản lí theo chức năng và tín ưu việt của việc nhìn toàn bộ doanh nghiệp theo quản điểm qui trình xuyên suốt. Môn học giới thiệu cho sinh viên biết cách dùng hệ thống tin toàn doanh nghiệp hỗ trợ cho các qui trình chuẩn, và qua đó giúp cho lãnh đạo cao nhất của doanh nghiệp có tức thời mọi thông tin về tổ chức để ra quyết định. Môn học còn giới thiệu về phương pháp luận Quản lí qui trình doanh nghiệp, cho biết cách thức để đưa vào bên trong doanh nghiệp cách tổ chức qui trình làm việc mới dùng công nghệ.	4
58.	Globalization and You (Xã hội toàn cầu hóa) Giới thiệu cho sinh viên những khái niệm cơ bản về toàn cầu hoá và các tác động của nó tới chính trị, kinh tế và xã hội. Thảo luận những vấn đề mà thế giới và toàn nhân loại đang đối mặt trong kỉ nguyên hội nhập và toàn cầu hoá.	2
59.	Business Data Analysis (Phân tích dữ liệu doanh nghiệp) Môn học tập trung đem đến cho người học hiểu rõ vai trò quan trọng	3

	của dữ liệu và phân tích dữ liệu trong việc hỗ trợ doanh nghiệp ra các quyết định kinh doanh hiệu quả. Dữ liệu sẽ là vô nghĩa nếu không được phân tích và khai thác đúng mục đích kinh doanh. Qua môn học, sinh viên sẽ hiểu rõ các khái niệm cơ bản liên quan đến phân tích dữ liệu doanh nghiệp, và thực hành ứng dụng một số công cụ phân tích các loại dữ liệu khác nhau để đáp ứng các bài toán kinh doanh của doanh nghiệp.	
60.	Fundamental of computing (Nền tảng máy tính) Môn học cung cấp cho người học nền tảng cơ bản về máy tính và cách kết nối mạng xã hội	2
61.	Introduction to network and security (Nhập môn mạng và bảo mật mạng) Cho sinh viên nắm rõ khái niệm mạng máy tính là gì, lợi ích của mạng máy tính trong thời đại công nghệ 4.0. Lợi ích to lớn khi doanh nghiệp áp dụng Cloud Computing, các dạng Cloud Computing hoạt động và an toàn ra làm sao. Cuối cùng các phương pháp bảo mật cho hệ thống mạng và cho Cloud Computing như thế nào cho an toàn trong khả năng của doanh nghiệp và đối tác cung cấp giải pháp.	2
62.	Đồ án hệ (ERP) Vào cuối học kỳ 6, sinh viên được yêu cầu thực hiện theo nhóm một đồ án về chủ đề Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (Enterprise Resources Planning - ERP) gắn liền với thực tế doanh nghiệp với sự hướng dẫn của giảng viên. Sinh viên phải báo cáo trước hội đồng.	3

Tp. HCM, ngày 28 tháng 8 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Dũng

P. TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Đặc Anh Chương